

Phần hai: ĐỊA LÍ VIỆT NAM CHUYÊN ĐỀ 7: ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI VIỆT NAM	
CHUYÊN ĐỀ 7: ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI VIỆT NAM	I.VIỆT NAM - ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI

Nội dung bài học
1. Việt Nam trên bản đồ thế giới - Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời. - Việt Nam gắn liền với lục địa Á – Âu, nằm phía Đông bán đảo Đông Dương và nằm gần trung tâm kinh tế Đông Nam Á. - Phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Tây giáp Lào và Cam-pu-chia, phía Đông giáp Biển Đông. 2. Việt Nam là một quốc gia mang đậm đà bản sắc thiên nhiên, văn hoá, lịch sử của khu vực Đông Nam Á. - Thiên nhiên: Mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. - Văn hoá: Có nền văn minh lúa nước, tôn giáo, nghệ thuật, kiến trúc và ngôn ngữ gắn bó với các nước trong khu vực. - Lịch sử: Là lá cờ đầu trong khu vực về chống thực dân Pháp, phát xít Nhật và đế quốc Mỹ giành độc lập dân tộc. -Việt Nam gia nhập ASEAN năm 1995. Việt Nam tích cực xây dựng ASEAN ổn định, tiên bộ và thịnh vượng. 3. Việt Nam trên con đường xây dựng và phát triển. Công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế ở nước ta bắt đầu từ năm 1986 đã đạt được những thành tựu to lớn và vững chắc. 4. Học địa lí Việt Nam như thế nào?

Câu hỏi củng cố:

Câu hỏi 1: Là một công dân trẻ của đất nước em hãy nêu vị thế của nước Việt Nam trên thế giới? Câu hỏi 2: Dựa vào tập bản đồ trang 20, 21 hãy cho biết: a. Việt Nam gắn liền với lục địa nào, đại dương nào? b. Việt Nam có chung biên giới trên đất liền và trên biển với những quốc gia nào? Câu hỏi 3: Dựa vào kiến thức đã học hãy chứng minh “Việt Nam là một trong những quốc gia thể hiện đầy đủ đặc điểm thiên nhiên, văn hoá, lịch sử của khu vực Đông Nam Á.” Câu hỏi 4: Việt Nam có biện pháp gì để đổi mới nền kinh tế? Biện pháp đó có mang lại những thành tựu nào?

Bài tập

Làm bài tập 2 trang 80: Lựa chọn vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước của Việt Nam năm 1990 và 2000 theo bảng số liệu trên (HS lựa chọn 1 trong 2 năm)

Bảng 22.1: tỉ trọng các ngành trong tổng sản phẩm trong nước của Việt Nam năm 1990 và năm 2000 (đơn vị %)

CHUYÊN ĐỀ 7: ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI VIỆT NAM**II. VỊ TRÍ, GIỚI HẠN, HÌNH DẠNG LÃNH THỔ VIỆT NAM****Nội dung bài học****1. Vị trí và giới hạn lãnh thổ.**

- HS ghi bảng 23.2 trang 84 sgk. (Lưu ý không cần ghi hết bảng chỉ ghi tỉnh; riêng cực Bắc và Nam ghi thêm vĩ độ; cực Đông và Tây ghi thêm kinh độ).
- Diện tích đất liền 331.212 km² và phần biển khoảng 1 triệu km².

*Ý nghĩa của vị trí địa lý về mặt tự nhiên và kinh tế - xã hội:

- Nước ta nằm trong miền nhiệt đới gió mùa, thiên nhiên đa dạng, phong phú nhưng cũng gặp không ít thiên tai như bão, lũ, hạn hán...
- Nằm gần trung tâm Đông Nam Á nên thuận lợi trong việc giao lưu hợp tác phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đặc điểm lãnh thổ.**a. Phần đất liền**

- Kéo dài theo chiều Bắc - Nam (1650km), đường bờ biển hình chữ S dài 3260km, đường biên giới trên đất liền dài 4600km.

b. Phần biển Đông.

- Phần biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam, mở rộng ở phía Đông và Đông Nam, có nhiều đảo và quần đảo.
- Biển Đông có ý nghĩa chiến lược đối với nước ta cả về an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế.

Câu hỏi củng cố:

Câu hỏi 1: Trình bày đặc điểm vị trí và giới hạn lãnh thổ Việt Nam?

Câu hỏi 2: Nêu đặc điểm lãnh thổ Việt Nam?

Câu hỏi 3: Trình bày ý nghĩa của Biển Đông đối với tự nhiên và kinh tế - xã hội Việt Nam?

CHUYÊN ĐỀ 7: ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI VIỆT NAM**III. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM****Nội dung bài học****1. Việt Nam là một nước nhiệt đới gió mùa**

- Tính chất này biểu hiện trong mọi thành phần của cảnh quan thiên nhiên nước ta nhưng tập trung nhất vẫn là môi trường khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều.
- Tuy nhiên có nơi, có mùa lại bị khô hạn, lạnh giá với những mức độ khác nhau.

2. Việt Nam là một nước ven biển.

- Biển Đông rộng lớn, bao bọc phía Đông, Đông Nam phần đất liền nước ta. Có ảnh hưởng đến toàn bộ thiên nhiên nước ta.
- Sự tương tác giữa đất liền và biển đã tăng cường tính chất nóng ẩm mưa nhiều cho thiên nhiên nước ta.

3. Việt Nam là xứ sở của cảnh quan đồi núi.

- Cảnh quan đồi núi chiếm ưu thế trong cảnh quan chung của thiên nhiên nước ta.

ta.

- Cảnh quan vùng núi thay đổi theo quy luật đất đai cao.

4. Thiên nhiên nước ta phân hoá đa dạng và phức tạp.

- Biểu hiện rõ trong lịch sử phát triển lâu dài của lãnh thổ và trong từng thành phần của tự nhiên.

- Biểu hiện qua sự phân hoá cảnh quan thiên nhiên thành các vùng, miền.

Câu hỏi củng cố:

Câu hỏi 1: Trình bày các đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam?

Câu hỏi 2: Tính chất nhiệt đới gió mùa ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống như thế nào?

Câu hỏi 3: Miền núi có những thuận lợi và khó khăn gì trong phát triển kinh tế - xã hội?

Làm bài tập 3 trang 137 sgk.

CHUYÊN ĐỀ 7: ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI VIỆT NAM

IV. THỰC HÀNH - ĐỌC BẢN ĐỒ VIỆT NAM

1. Dựa vào bản đồ hành chính trang 20, 21 tập bản đồ hãy:

a. Xác định tỉnh, thành phố em đang sống: TP Hồ Chí Minh

b. Xác định 4 điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây phần đất liền nước ta. (lấy bút chì đánh dấu 4 vị trí trên bản đồ).

(Câu a và b xác định trên bản đồ, không cần làm vào vở.)

c. **Lập bảng thống kê các tỉnh theo mẫu sau vào trong vở**, cho biết nước ta có bao nhiêu tỉnh thành ven biển.

(Để làm được phần này học sinh cần hiểu: tỉnh, thành phố nội địa 4 phía là đất liền; tỉnh, thành phố ven biển có ít nhất 1 mặt giáp biển).

Mỗi em làm 15 tỉnh và thành phố tùy ý. Đánh “X” nếu đúng, đánh “O” nếu không có.

Ví dụ: Nếu là tỉnh nội địa thì đánh chữ “O” vào ô ven biển, đánh chữ “X” vào ô nội địa, chỉ giáp Trung Quốc thì đánh X vào ô Trung Quốc, 2 nước còn lại đánh chữ O.

số thứ tự dựa vào stt bảng trang 21 tập bản đồ.

STT	Tên tỉnh, TP	Đặc điểm về vị trí				
		Nội địa	Ven biển	Có biên giới chung với		
				Trung Quốc	Lào	Campuchia
1	An Giang	X	O	O	O	X
58	TP HCM	O	X	O	O	O
25	Hà Tĩnh	O	X	O	X	O

2. Đọc bản đồ khoáng sản trang 24 tập bản đồ, hãy vẽ lại các kí hiệu và ghi vào trong vở nơi phân bố của mười loại khoáng sản chính theo mẫu sau:

Số	Loại khoáng sản	Kí hiệu	Phân bố
1	Than đá		
2	Dầu mỏ		
3	Khí đốt		
4	Bô xít		
5	Sắt		
6	Crom		
7	Thiếc		
8	Titan		
9	Apatit		
10	Đá quý		